

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA, BAO BÌ VINH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Lê Xuân Thọ
Giám đốc

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0075/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 2 năm 2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2025



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.223.931.870	309.869.208.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.819.935.852	489.384.850
1. Tiền	111		3.819.935.852	489.384.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.310.041.237	226.139.967.444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	222.584.929.639	225.998.822.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		154.788.098	395.215.678
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		196.890.888	87.259.534
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(626.567.388)	(341.330.375)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85.777.310.826	79.783.490.428
1. Hàng tồn kho	141	V.4	85.777.310.826	79.783.490.428
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.316.643.955	3.456.366.077
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	1.146.486.631	1.252.364.009
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.574.876.376	2.181.264.008
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	595.280.948	22.738.060
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Z
T
E
*

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.872.896.562	78.296.042.143
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		69.435.961.344	74.513.019.899
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	69.435.961.344	74.513.019.899
- Nguyên giá	222		299.168.357.161	294.941.034.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.732.395.817)	(220.428.014.707)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.436.935.218	3.783.022.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	3.436.935.218	3.783.022.244
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		400.096.828.432	388.165.250.942

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		233.706.312.190	230.358.901.014
I. Nợ ngắn hạn	310		233.706.312.190	229.315.263.109
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	92.984.563.344	92.639.260.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		314.204.828	1.969.786.731
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	3.348.509.543	2.772.860.359
4. Phải trả người lao động	314		26.701.991.493	24.066.279.349
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	1.126.839.130	366.124.227
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.233.042.107	1.029.653.048
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	105.168.226.253	104.380.284.573
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	2.828.935.492	2.091.014.357
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	1.043.637.905
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	-	1.043.637.905
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.390.516.242	157.806.349.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	166.390.516.242	157.806.349.928
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.033.147.493	54.612.315.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.907.774.204	26.744.439.843
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	26.744.439.843
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		26.907.774.204	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		400.096.828.432	388.165.250.942

Người lập



Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn



Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Giám đốc

Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	822.071.219.476	874.808.591.051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	68.145.330	265.078.050
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		822.003.074.146	874.543.513.001
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	746.670.098.380	788.087.856.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.332.975.766	86.455.656.858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.050.967.207	2.853.102.965
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.628.559.707	12.272.320.805
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.910.029.536	10.712.391.230
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	19.545.508.952	22.492.516.597
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.054.246.283	18.989.251.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.155.628.031	35.554.671.252
11. Thu nhập khác	31	VI.8	901.259.346	170.208.230
12. Chi phí khác	32	VI.9	893.093.218	312.108.771
13. Lợi nhuận khác	40		8.166.128	(141.900.541)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.163.794.159	35.412.770.711
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.8	7.256.019.955	7.343.330.868
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.907.774.204	28.069.439.843
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.882	2.923
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.882	2.923

Người lập

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		871.994.905.570	946.674.261.812
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(693.155.509.083)	(694.364.957.521)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(112.484.943.439)	(120.962.562.375)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4.921.692.062)	(10.813.848.117)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.8	(6.247.532.984)	(8.332.578.587)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.357.895.709	1.773.941.626
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.392.090.260)	(30.807.523.470)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>27.151.033.451</u>	<u>83.166.733.368</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.685.336.967)	(6.953.382.485)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		654.600.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	42.275.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(10.030.736.967)</u>	<u>(6.911.107.485)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	759.284.975.209	775.466.760.550
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(759.574.918.207)	(840.256.443.619)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.789.870.998)	(78.289.611.069)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.330.425.486	(2.033.985.186)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	489.384.850	2.523.473.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		125.516	(102.993)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.819.935.852	489.384.850

Người lập



Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng



Phan Văn Toàn

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Giám đốc



Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 886 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 921 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khố 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	02

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

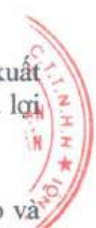
Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	204.984.270	24.355.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.614.951.582	465.029.442
Cộng	<u>3.819.935.852</u>	<u>489.384.850</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	26.878.515.012	29.622.361.143
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	44.356.017.651	45.907.793.385
Công ty TNHH Bê tông Kaito Việt Nam	29.436.270.318	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	21.367.010.765	21.810.321.036
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	21.678.122.880	23.969.508.660
Các khách hàng khác	78.868.993.013	104.688.838.383
Cộng	<u>222.584.929.639</u>	<u>225.998.822.607</u>

3. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Polyester Fabric SDN BHD	225.574.001	(112.787.000)	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên Huế	1.087.767.911	(513.780.388)	1.137.767.916	(341.330.375)
Cộng	<u>1.313.341.912</u>	<u>(626.567.388)</u>	<u>1.137.767.916</u>	<u>(341.330.375)</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	341.330.375	118.314.519
Trích lập dự phòng bổ sung	587.230.443	341.330.375
Hoàn nhập dự phòng	(301.993.430)	(118.314.519)
Số cuối năm	<u>626.567.388</u>	<u>341.330.375</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	215.684.025	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.049.726.087	-	36.816.243.326	-
Công cụ, dụng cụ	3.801.981.211	-	3.664.413.575	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.295.829.561	-	25.940.280.013	-
Thành phẩm	6.414.089.942	-	12.243.624.983	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.118.928.531	-
Cộng	<u>85.777.310.826</u>	<u>-</u>	<u>79.783.490.428</u>	<u>-</u>

Toàn bộ hàng tồn kho cuối năm đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Xem thuyết minh V.11a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	676.575.616	787.046.605
Chi phí bảo hiểm	217.528.117	208.414.876
Chi phí sửa chữa	236.341.238	233.430.304
Các chi phí khác	16.041.660	23.472.224
Cộng	1.146.486.631	1.252.364.009

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	711.031.226	1.001.808.775
Chi phí sửa chữa	462.529.432	392.294.059
Chi phí thuê đất (*)	2.263.374.560	2.373.336.077
Các chi phí khác	-	15.583.333
Cộng	3.436.935.218	3.783.022.244

(*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	58.216.890.945	221.055.669.752	14.588.851.766	1.029.332.143	50.290.000	294.941.034.606
Mua trong năm	475.149.074	9.484.448.617	625.320.000	-	-	10.584.917.691
Thanh lý, nhượng bán	(112.149.000)	(159.082.500)	(6.086.363.636)	-	-	(6.357.595.136)
Số cuối năm	58.579.891.019	230.381.035.869	9.127.808.130	1.029.332.143	50.290.000	299.168.357.161
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.893.640.704	104.234.302.988	7.665.104.909	1.029.332.143	50.290.000	142.872.670.744
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	46.078.339.061	159.531.449.108	13.738.604.395	1.029.332.143	50.290.000	220.428.014.707
Khấu hao trong năm	2.426.219.923	12.863.257.500	372.498.820	-	-	15.661.976.243
Thanh lý, nhượng bán	(112.148.999)	(159.082.499)	(6.086.363.635)	-	-	(6.357.595.133)
Số cuối năm	48.392.409.985	172.235.624.109	8.024.739.580	1.029.332.143	50.290.000	229.732.395.817
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.138.551.884	61.524.220.644	850.247.371	-	-	74.513.019.899
Số cuối năm	10.187.481.034	58.145.411.760	1.103.068.550	-	-	69.435.961.344
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 50.966.106.758 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.928.704.068	902.192.364
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	-	109.350.000
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	1.928.704.068	792.842.364
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	91.055.859.276	91.737.068.101
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	28.847.069.460	18.854.971.668
Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	11.364.850.000	-
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	7.539.000.000	15.142.900.000
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	5.961.600.000	15.741.000.000
Công ty TNHH Minh Hoàng	13.500.670.306	9.265.176.087
Các nhà cung cấp khác	23.842.669.510	32.733.020.346
Cộng	92.984.563.344	92.639.260.465

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	3.795.999	(3.795.999)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6.378.720.358	(6.378.720.358)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	88.472.425	(88.472.425)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.340.022.572	-	7.256.019.955	(6.247.532.984)	3.348.509.543	-
Thuế thu nhập cá nhân (*)	432.837.787	-	(885.963.395)	(119.417.280)	-	572.542.888
Thuế nhà đất	-	12.738.060	14.541.199	(14.541.199)	-	12.738.060
Tiền thuê đất	-	10.000.000	353.619.161	(353.619.161)	-	10.000.000
Các loại thuế khác	-	-	77.697.400	(77.697.400)	-	-
Cộng	2.772.860.359	22.738.060	13.286.903.102	(13.283.796.806)	3.348.509.543	595.280.948

(*) Trong năm, công ty điều chỉnh TNCN theo quyết toán thuế TNCN năm 2021, 2022 và 2023, tổng số tiền thuế giảm là 1.412.907.272 VND (năm 2021 giảm 657.469.156 VND, năm 2022 giảm 740.704.018 VND, năm 2023 giảm 14.734.098 VND).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

B15-
NHÀ
ĐNG T
THIỆM
DÂN VÀ
A & C
I HÀ
ĐA -

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.163.794.159	35.412.770.711
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	627.053.554	517.082.368
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(10.817.241)</u>	<u>(182.781.739)</u>
Thu nhập chịu thuế	35.780.030.473	35.747.071.340
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.156.006.095	7.149.414.268
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>100.013.860</u>	<u>193.916.600</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>7.256.019.955</u>	<u>7.343.330.868</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Trong đó:

- Tiền thuê đất nhà máy 1 tại Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích 11.794,5 m² là 505.170.230 VND/năm. Ngoài ra, trong năm 2024, Công ty được giảm tiền thuê đất năm 2023 theo Quyết định số 849/QĐ-CT ngày 6/2/2024, số tiền 151.551.069 VND.
- Tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 109.961.517 VND/năm được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi ra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	75.434.643	87.097.169
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<u>1.051.404.487</u>	<u>279.027.058</u>
Cộng	<u>1.126.839.130</u>	<u>366.124.227</u>

10. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	94.342.709	70.615.800
Phụ cấp HĐQT, BKS	94.342.709	70.615.800
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.138.699.398	959.037.248
Kinh phí công đoàn	1.128.216.875	930.353.879
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	<u>10.482.523</u>	<u>28.683.369</u>
Cộng	<u>1.233.042.107</u>	<u>1.029.653.048</u>

02.
IH
Y
ƯU H
TƯ V
01
P. M

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Vay****11a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	94.162.588.348	93.796.884.573
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	76.415.614.085	35.676.790.227
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	-	34.747.046.231
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	17.746.974.263	23.373.048.115
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	9.962.000.000	9.192.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.11b)	1.043.637.905	1.391.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	886.800.000	1.182.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh	156.837.905	209.000.000
Cộng	<u>105.168.226.253</u>	<u>104.380.284.573</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An để bổ sung vốn lưu động với hạn mức cho vay không vượt quá 140 tỷ VND và 4.000.000 USD; lãi suất quy định trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng lần tối đa không quá 4 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay không vượt quá 65 tỷ VND; lãi suất vay quy định trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng lần tối đa không quá 5 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty.
- (iii) Vay tín chấp các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	93.796.884.573	9.192.000.000	1.391.400.000	104.380.284.573
Số tiền vay phát sinh trong năm	755.464.975.209	3.820.000.000	-	759.284.975.209
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	1.043.637.905	1.043.637.905
CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	34.246.773	-	-	34.246.773
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(755.133.518.207)</u>	<u>(3.050.000.000)</u>	<u>(1.391.400.000)</u>	<u>(759.574.918.207)</u>
Số cuối năm	<u>94.162.588.348</u>	<u>9.962.000.000</u>	<u>1.043.637.905</u>	<u>105.168.226.253</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11b. Vay dài hạn

Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh để đầu tư tài sản cố định, lãi suất vay thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.043.637.905	1.391.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	1.043.637.905
Cộng	1.043.637.905	2.435.037.905

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.043.637.905	4.035.539.468
Số tiền vay đã trả	-	(1.600.501.563)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(1.043.637.905)	(1.391.400.000)
Số cuối năm	-	1.043.637.905

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận (*)</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.889.546.485	1.392.755.159	(2.164.646.485)	1.117.655.159
Quỹ phúc lợi	201.467.872	4.210.415.976	(2.700.603.515)	1.711.280.333
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	220.508.755	(220.508.755)	-
Cộng	2.091.014.357	5.823.679.890	(5.085.758.755)	2.828.935.492

(*) Chi tiết như sau:

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành</u>
Trích từ lợi nhuận năm 2023 theo NQ ĐHĐCĐ	1.717.755.159	4.210.415.976	220.508.755
Trừ số đã tạm trích trong năm 2023	(325.000.000)	(1.000.000.000)	-
Số tạm trích từ lợi nhuận năm 2024	-	1.000.000.000	-
Cộng	1.392.755.159	4.210.415.976	220.508.755

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu****13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	46.475.296.752	27.261.706.297	150.186.597.594
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	28.069.439.843	28.069.439.843
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.137.018.788	(8.137.018.788)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.777.341.259)	(6.777.341.259)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(172.418.250)	(172.418.250)
Số dư cuối năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	54.612.315.540	26.744.439.843	157.806.349.928
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	54.612.315.540	26.744.439.843	157.806.349.928
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	27.907.774.204	27.907.774.204
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.420.831.953	(8.420.831.953)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.603.171.135)	(5.603.171.135)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Thưởng ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	(220.508.755)	(220.508.755)
Số dư cuối năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	63.033.147.493	26.907.774.204	166.390.516.242

13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	26.133.190.000	26.133.190.000
Các cổ đông khác	10.647.090.000	10.647.090.000
Cộng	74.999.600.000	74.999.600.000

13c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 351/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18%/vốn điều lệ)	: 13.499.928.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.420.831.953
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.717.755.159
• Trích quỹ phúc lợi	: 4.210.415.976
• Trích thưởng ban quản lý điều hành	: 220.508.755

Trong năm, Công ty tạm trích quỹ phúc lợi năm 2024 với số tiền là 1.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 451/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2024.

14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

14a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 7.298,05 USD (số đầu năm là 1.784,23 USD).

14b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Trường Yên	258.997.370	258.997.370
Công ty Cổ phần Bình Định Constrexim	232.470.000	232.470.000
Cộng	491.467.370	491.467.370

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	6.541.002.429	13.401.239.836
Doanh thu bán thành phẩm	815.530.217.047	860.519.825.215
Doanh thu khác	-	887.526.000
Cộng	822.071.219.476	874.808.591.051

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	26.056.120	265.078.050
Giảm giá hàng bán	42.089.210	-
Cộng	68.145.330	265.078.050

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.939.237.602	11.759.466.257
Giá vốn của thành phẩm đã bán	740.730.860.778	776.328.389.886
Cộng	746.670.098.380	788.087.856.143

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi ký quỹ mở L/C		42.275.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.323.391	4.727.820
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.046.513.154	2.806.100.145
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.130.662	-
Cộng	<u>3.050.967.207</u>	<u>2.853.102.965</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.910.029.536	10.712.391.230
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	691.778.153	1.506.214.091
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	11.324.239
Chi phí khác	26.752.018	42.391.245
Cộng	<u>5.628.559.707</u>	<u>12.272.320.805</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.435.204.842	1.254.141.975
Chi phí vật liệu, bao bì	2.958.911.879	3.318.983.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	281.837.184	193.095.972
Chi phí vận chuyển	10.918.269.222	13.708.767.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.623.822.930	2.487.351.976
Các chi phí khác	1.327.462.895	1.530.175.786
Cộng	<u>19.545.508.952</u>	<u>22.492.516.597</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.203.740.367	9.322.261.023
Chi phí vật liệu quản lý	694.227.653	640.595.820
Chi phí đồ dùng văn phòng	216.880.304	323.921.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.600.004	74.541.706
Thuế, phí và lệ phí	581.601.332	27.899.454
Dự phòng phải thu khó đòi	285.237.013	223.015.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.103.199	1.191.054.805
Các chi phí khác	5.359.856.411	7.185.960.811
Cộng	<u>18.054.246.283</u>	<u>18.989.251.169</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	606.000.000	-
Lãi bán phế liệu	225.232.088	163.402.298
Thu nhập khác	70.027.258	6.805.932
Cộng	<u>901.259.346</u>	<u>170.208.230</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vò bao hàng rách vỡ	634.847.016	123.741.455
Thuế bị phạt, bị truy thu	159.817.846	180.286.303
Chi phí khác	98.428.356	8.081.013
Cộng	<u>893.093.218</u>	<u>312.108.771</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.907.774.204	28.069.439.843
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành (*)	(6.294.395.814)	(6.148.679.890)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.613.378.390	21.920.759.953
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.499.960	7.499.960
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.882</u>	<u>2.923</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành năm nay được tạm tính căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 351/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm năm trước giảm từ 2.970 VND xuống 2.923 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	572.288.448.004	579.292.150.852
Chi phí nhân công	135.473.493.156	139.058.542.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.661.976.246	16.590.630.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.078.831.576	48.671.764.748
Chi phí khác	9.767.214.655	9.290.973.601
Cộng	<u>785.269.963.637</u>	<u>792.904.062.027</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm thù lao phải trả Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, số tiền 94.342.709 VND (Số đầu năm là: 70.615.800 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc				
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch	493.138.830	-	493.138.830
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	445.889.348	60.877.440	506.766.788
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên/Phó Giám đốc	389.105.273	60.877.440	449.982.713
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	348.451.119	-	348.451.119
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	24.372.020	60.877.440	85.249.460
Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	24.372.020	60.877.440	85.249.460
Ban Kiểm soát				
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	346.710.260	-	346.710.260
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	-	48.350.736	48.350.736
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	48.350.736	48.350.736
Cộng		2.072.038.870	340.211.232	2.412.250.102
Năm trước				
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc				
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc (đến 18/4/2023)	417.608.745	-	417.608.745
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch (đến 18/4/2023)	28.303.954	24.960.000	53.263.954
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	406.949.548	56.160.000	463.109.548
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc	332.449.727	37.440.000	388.609.727
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên (đến 18/4/2023) /Kế toán trưởng	316.462.360	18.720.000	316.462.360
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	19.812.767	56.160.000	75.972.767
Bà Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	19.812.767	56.160.000	75.972.767
Ban Kiểm soát				
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	319.078.921	-	319.078.921
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên (từ 18/4/2023)	-	29.736.000	29.736.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên (đến 18/4/2023)	-	14.868.000	14.868.000
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	44.604.000	44.604.000
Cộng		1.860.478.789	338.808.000	2.199.286.789

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Tiến Industry	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con của Cổ đông lớn
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế		
Thanh lý tài sản cố định	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn		
Mua hàng hóa	319.252.725	247.182.224
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol		
Mua hàng hóa	-	2.174.150.000
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh		
Mua nguyên vật liệu	8.062.706.650	4.299.563.653

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.7.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	603.519.701.790	218.483.372.356	822.003.074.146
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	603.519.701.790	218.483.372.356	822.003.074.146
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.045.095.817	13.742.370.997	55.787.466.814
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.054.246.283)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			37.733.220.531
Doanh thu hoạt động tài chính			3.050.967.207
Chi phí tài chính			(5.628.559.707)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Thu nhập khác			901.259.346
Chi phí khác			(893.093.218)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.256.019.955)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.907.774.204
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	4.952.204.238
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.285.430.878	4.447.514.077	16.732.944.955
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	675.619.056.987	198.924.456.014	874.543.513.001
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	675.619.056.987	198.924.456.014	874.543.513.001
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	50.430.411.790	13.532.728.471	63.963.140.261
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(18.989.251.169)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			44.973.889.092
Doanh thu hoạt động tài chính			2.853.102.965
Chi phí tài chính			(12.272.320.805)
Thu nhập khác			170.208.230
Chi phí khác			(312.108.771)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.343.330.868)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			28.069.439.843
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	7.718.869.339
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.636.351.735	4.014.990.138	17.651.341.873
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

5-0
HÀNH
TY
M HỘ
VÀ T
& C
IÀ N
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Khu vực trong nước</u>	<u>Khu vực nước ngoài</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>199.751.766.504</u>	<u>22.987.951.233</u>	<u>222.739.717.737</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>177.357.110.695</u>
Tổng tài sản			<u>400.096.828.432</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>93.020.797.344</u>	<u>277.970.828</u>	<u>93.298.768.172</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>140.407.544.018</u>
Tổng nợ phải trả			<u>233.706.312.190</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>209.383.269.126</u>	<u>17.010.769.159</u>	<u>226.394.038.285</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>161.771.212.657</u>
Tổng tài sản			<u>388.165.250.942</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>92.653.798.225</u>	<u>1.955.248.971</u>	<u>94.609.047.196</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>135.749.853.818</u>
Tổng nợ phải trả			<u>230.358.901.014</u>

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 19 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Trần Thị Quế Lâm

Kế toán trưởng

Phan Văn Toàn

Giám đốc



Lê Xuân Thọ



FINANCIAL STATEMENT
FOR THE FISCAL YEAR ENDED 31 DECEMBER 2024

VINH PLASTIC AND BAGS
JOINT STOCK COMPANY

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Independent Auditor's Report	4 - 5
4. Balance Sheet as at 31 December 2024	6 - 9
5. Income Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	10
6. Cash Flow Statement for the fiscal year ended 31 December 2024	11 - 12
7. Notes to the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024	13 - 32



VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") presents this statement together with the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024.

Business highlights

Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company, formerly known as Vinh Plastic Factory under Economic Cooperation Corporation of Region 4, was equitized in accordance with the Decision No. 144/2002/QĐ-BQP dated 10 October 2022 of the Defense Minister. The Company has been operating in accordance with the Business Registration Certificate No. 2703000092 dated 3 January 2003 granted by the Department of Planning and Investment of Nghe An Province.

During its course of operation, the Company has been 6 times granted by the Department of Planning and Investment of Nghe An Province with the amended Business Registration Certificates due to the changes in legal representative, enterprise code and charter capital, in which, the 6th amendment dated 13 September 2017.

Head office

- Address : Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province
- Telephone : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

The principal business activities of the Company are printing packaging; manufacturing and trading cement bags, PP, PE bags and plastic products.

Board of Directors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors and the Executive Officers of the Company during the year and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Appointing date/Re-appointing date
Mr. Nguyen Huu Son	Chairman	Appointed on 18 April 2023
Mr. Nguyen Trung Kien	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Ms. Pham Nguyet Minh	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Mr. Le Xuan Tho	Member	Re-appointed on 28 April 2022
Mr. Truong Dac Thanh	Member	Appointed on 18 April 2023

Board of Supervisors

Full name	Position	Appointing date/Re-appointing date
Mr. Tran Ngoc Sam	Head of Board of Supervisors	Re-appointed on 28 April 2022
Ms. Dong Thi Ha	Member	Appointed on 18 April 2023
Ms. Nguyen Thi Minh Trang	Member	Re-appointed on 28 April 2022

Board of Management and Chief Accountant

Full name	Position	Appointing date/Re-appointing date
Mr. Le Xuan Tho	Director	Re-appointed on 4 May 2022
Mr. Truong Dac Thanh	Deputy Director	Appointed on 3 November 2022
Mr. Phan Van Toan	Chief Accountant	Re-appointed on 4 May 2022

Legal representative

The legal representative of the Company during the year and as of the date of this statement is Mr. Le Xuan Tho - Director (re-appointed on 4 May 2022).

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the audit on the Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 of the Company.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Financial Statements to give a true and fair view on the financial position, the financial performance and the cash flows of the Company during the year. In order to prepare these Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Company are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Financial Statements;
- prepare the Financial Statements of the Company on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Company have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Company at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Company's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Financial Statements.

Approval on the Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Financial Statements, which give a true and fair view of the financial position as at 31 December 2024, the financial performance and the cash flows for the fiscal year then ended of the Company in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,



Le Xuan Tho
Director

19 February 2025

No. 2.0075/25/TC-AC

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying Financial Statements of Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company"), which were prepared on 19 February 2025, from page 6 to page 32, including the Balance Sheet as at 31 December 2024, the Income Statement, the Cash Flow Statement for the fiscal year then ended and the Notes to the Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Company's Financial Statements in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express an opinion on the Financial Statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical standards and requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Company's Financial Statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the Financial Statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the Financial Statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the Financial Statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion of Auditors

In our opinion, the Financial Statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position as at 31 December 2024 of Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company, its financial performance and its cash flows for the fiscal year then ended in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Financial Statements.

Other matter

The Auditor's Report on the Company's Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2024 is prepared in Vietnamese and English. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

For and on behalf of
A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.
Hanoi Branch



Nguyen Thi Tu – Partner

Audit Practice Registration Certificate:

No. 0059-2023-008-1

Authorized Signatory

Hanoi, 19 February 2025



Tran Kim Anh – Auditor

Audit Practice Registration Certificate:

No. 1907-2023-008-1



VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

BALANCE SHEET

As at 31 December 2024

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		327,223,931,870	309,869,208,799
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	3,819,935,852	489,384,850
1. Cash	111		3,819,935,852	489,384,850
2. Cash equivalents	112		-	-
II. Short-term financial investments	120		-	-
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123		-	-
III. Short-term receivables	130		222,310,041,237	226,139,967,444
1. Short-term trade receivables	131	V.2	222,584,929,639	225,998,822,607
2. Short-term prepayments to suppliers	132		154,788,098	395,215,678
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136		196,890,888	87,259,534
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.3	(626,567,388)	(341,330,375)
8. Deficit assets for treatment	139		-	-
IV. Inventories	140		85,777,310,826	79,783,490,428
1. Inventories	141	V.4	85,777,310,826	79,783,490,428
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		15,316,643,955	3,456,366,077
1. Short-term prepaid expenses	151	V.5a	1,146,486,631	1,252,364,009
2. Deductible VAT	152		13,574,876,376	2,181,264,008
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.8	595,280,948	22,738,060
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		72,872,896,562	78,296,042,143
I. Long-term receivables	210		-	-
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216		-	-
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		69,435,961,344	74,513,019,899
1. Tangible fixed assets	221	V.6	69,435,961,344	74,513,019,899
<i>Historical costs</i>	222		299,168,357,161	294,941,034,606
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(229,732,395,817)	(220,428,014,707)
2. Financial leased assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227		-	-
<i>Historical costs</i>	228		-	-
<i>Accumulated amortization</i>	229		-	-
III. Investment properties	230		-	-
Historical costs	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240		-	-
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		-	-
V. Long-term financial investments	250		-	-
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252		-	-
3. Investments in other entities	253		-	-
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254		-	-
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		3,436,935,218	3,783,022,244
1. Long-term prepaid expenses	261	V.5b	3,436,935,218	3,783,022,244
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		400,096,828,432	388,165,250,942

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		233,706,312,190	230,358,901,014
I. Current liabilities	310		233,706,312,190	229,315,263,109
1. Short-term trade payables	311	V.7	92,984,563,344	92,639,260,465
2. Short-term advances from customers	312		314,204,828	1,969,786,731
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.8	3,348,509,543	2,772,860,359
4. Payables to employees	314		26,701,991,493	24,066,279,349
5. Short-term accrued expenses	315	V.9	1,126,839,130	366,124,227
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.10	1,233,042,107	1,029,653,048
10. Short-term borrowings and financial leases	320	V.11a	105,168,226,253	104,380,284,573
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.12	2,828,935,492	2,091,014,357
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		-	1,043,637,905
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and financial leases	338	V.11b	-	1,043,637,905
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		166,390,516,242	157,806,349,928
I. Owner's equity	410	V.13	166,390,516,242	157,806,349,928
1. Owner's contribution capital	411		74,999,720,000	74,999,720,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		74,999,720,000	74,999,720,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		1,449,994,545	1,449,994,545
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		(120,000)	(120,000)
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		63,033,147,493	54,612,315,540
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		26,907,774,204	26,744,439,843
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		-	26,744,439,843
- Retained earnings of the current period	421b		26,907,774,204	-
12. Construction investment fund	422		-	-
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		400,096,828,432	388,165,250,942

Prepared by



Tran Thi Que Lam

Chief Accountant



Phan Van Toan

Prepared on 19 February 2025

Director



Le Xuan Tho

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

INCOME STATEMENT

For the fiscal year ended 31 December 2024

Unit: VND

ITEMS			Current year	Previous year
1.	Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01 VL.1	822,071,219,476	874,808,591,051
2.	Revenue deductions	02 VL.2	68,145,330	265,078,050
3.	Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10	822,003,074,146	874,543,513,001
4.	Costs of sales	11 VL.3	746,670,098,380	788,087,856,143
5.	Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20	75,332,975,766	86,455,656,858
6.	Financial income	21 VL.4	3,050,967,207	2,853,102,965
7.	Financial expenses	22 VL.5	5,628,559,707	12,272,320,805
	In which: Interest expenses	23	4,910,029,536	10,712,391,230
8.	Selling expenses	25 VL.6	19,545,508,952	22,492,516,597
9.	General and administration expenses	26 VL.7	18,054,246,283	18,989,251,169
10.	Net operating profit/ (loss)	30	35,155,628,031	35,554,671,252
11.	Other income	31 VL.8	901,259,346	170,208,230
12.	Other expenses	32 VL.9	893,093,218	312,108,771
13.	Other profit/ (loss)	40	8,166,128	(141,900,541)
14.	Total accounting profit/ (loss) before tax	50	35,163,794,159	35,412,770,711
15.	Current income tax	51 V.8	7,256,019,955	7,343,330,868
16.	Deferred income tax	52	-	-
17.	Profit/ (loss) after tax	60	27,907,774,204	28,069,439,843
18.	Basic earnings per share	70 VI.10	2,882	2,923
19.	Diluted earnings per share	71 VI.10	2,882	2,923

Prepared by



Tran Thi Que Lam

Chief Accountant



Phan Van Toan

Prepared on 19 February 2025

Director



Le Xuan Tho

01
AN
TY
+ H
T
C
+ N
1P

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

CASH FLOW STATEMENT

(Direct method)

For the fiscal year ended 31 December 2024

ITEMS	Code	Note	Unit: VND	
			Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Cash inflows from sales of merchandise, rendering of services and other income	01		871,994,905,570	946,674,261,812
2. Cash outflows for suppliers	02		(693,155,509,083)	(694,364,957,521)
3. Cash outflows for employees	03		(112,484,943,439)	(120,962,562,375)
4. Interests paid	04		(4,921,692,062)	(10,813,848,117)
5. Corporate income tax paid	05	V.8	(6,247,532,984)	(8,332,578,587)
6. Other cash inflows from operating activities	06		1,357,895,709	1,773,941,626
7. Other cash outflows from operating activities	07		(29,392,090,260)	(30,807,523,470)
<i>Net cash flows from operating activities</i>	<i>20</i>		<u>27,151,033,451</u>	<u>83,166,733,368</u>
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(10,685,336,967)	(6,953,382,485)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		654,600,000	-
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		-	-
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		-	-
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		-	42,275,000
<i>Net cash flows from investing activities</i>	<i>30</i>		<u>(10,030,736,967)</u>	<u>(6,911,107,485)</u>

HAN
VAN
HA

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.14	759,284,975,209	775,466,760,550
4. Repayment for loan principal	34	V.14	(759,574,918,207)	(840,256,443,619)
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(13,499,928,000)	(13,499,928,000)
<i>Net cash flows from financing activities</i>	40		<u>(13,789,870,998)</u>	<u>(78,289,611,069)</u>
Net cash flows during the year	50		3,330,425,486	(2,033,985,186)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	489,384,850	2,523,473,029
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		125,516	(102,993)
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	<u>3,819,935,852</u>	<u>489,384,850</u>

Prepared by



Tran Thi Que Lam

Chief Accountant



Phan Van Toan

Prepared on 19 February 2025

Director



Le Xuan Tho

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

I. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Vinh Plastic and Bags Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) is a joint stock company.

2. Operating fields

The Company operates in the field of industrial production.

3. Principal business activities

The principal business activities of the Company are printing packaging; manufacturing, trading cement bags, PP, PE bags and plastic products;

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Statement on information comparability in the Financial Statements

The corresponding figures of the previous year are comparable to those of the current year.

6. Employees

As of the balance sheet date, there were 886 employees working for the Company (at the beginning of the year: 921 employees).

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Company is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Company are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting system

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures the compliance with all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Financial Statements.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Financial Statements

All the Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Financial Statements are prepared in Vietnamese and English, in which the Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Company. The Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. Should there be any conflict between the Vietnamese and English versions, the Vietnamese version shall take precedence.

2. Foreign currency transactions

Transactions in foreign currencies are translated at the actual exchange rates ruling as of the transaction dates. The ending balances of monetary items in foreign currencies are translated at the actual exchange rates ruling as of the balance sheet date.

Foreign exchange differences arising from foreign currency transactions during the year shall be included into financial income or financial expenses. Foreign exchange differences due to the revaluation of ending balances of the monetary items in foreign currencies after offsetting their positive differences against negative differences shall be included into financial income or financial expenses.

The exchange rate used to translate foreign currency transactions is the actual exchange rate ruling as of the time of these transactions. The actual exchange rates applied to foreign currency transactions are as follows:

- For receivables: the buying rate ruling as of the time of transaction of the commercial bank where the Company designates the customers to make payments.
- For payables: the selling rate ruling as of the time of transaction of the commercial bank where the Company supposes to make payments.
- For acquisition of assets or immediate payments in foreign currency (not included into payable accounts): the buying rate of the commercial bank where the Company makes payments.

The exchange rate used to revalue ending balances of monetary items in foreign currencies as of the balance sheet date is determined as follows:

- For foreign currency deposits in banks: the buying rate of the bank where the Company opens its foreign currency account.
- For monetary items in foreign currencies classified as other assets: the buying rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") where the Company frequently conducts transactions.
- For monetary items in foreign currencies classified as payables: the selling rate of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") where the Company frequently conducts transactions.

3. Cash

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks.

4. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.



VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from over 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/ (decreases) in the allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

5. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

Costs of inventories are determined as follows:

- For materials and merchandise: Costs comprise costs of purchases and other directly attributable costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.
- For work in progress: Costs comprise main materials, labor and other directly attributable costs.
- For finished goods: Costs comprise costs of materials, direct labor and directly attributable general manufacturing expenses allocated on the basis of normal operation.

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

Net realizable value is the estimated selling price of inventories in the ordinary course of business less the estimated costs of completion and the estimated costs necessary to make the sale.

Allowance for inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable value. Increases/ (decreases) in the allowance for inventories to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Costs of sales".

6. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. The Company's prepaid expenses mainly include expenses for tools, fixed asset repairs and prepaid land rental. These prepaid expenses are allocated to the prepayment term or term in which corresponding economic benefit is derived from these expenses.

Tools

Expenses for tools in use are allocated to expenses in accordance with the straight-line method for the maximum period of 3 years.

Insurance premiums

Insurance premiums are allocated over the insurance term.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated to expenses in accordance with the straight-line method in 3 years.

Prepaid land rental

Prepaid land rental reflects the rental already paid for the land being used by the Company and is allocated to expenses in accordance with the straight-line method over the lease term.

7. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	03 – 15
Machinery and equipment	03 – 10
Vehicles	03 – 06
Office equipment	03 – 05
Other fixed assets	02

8. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for merchandise and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses, and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Company.
- Accrued expenses reflect expenses for merchandise, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

9. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

Treasury shares

When the Company reacquires its own equity instrument, purchasing costs including the expenses related to the transaction are recorded as treasury shares and shall be deducted from owner's equity. When treasury shares are re-issued, the difference between their re-issuance price and carrying value is recorded in share premiums.

10. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as profit from revaluation of assets invested in other entities, profit from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividend is recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

11. Recognition of revenue and income

Revenue from sales of merchandise, finished goods

Revenue from sales of merchandise, finished goods shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The Company has transferred most of risks and benefits incident to the ownership of merchandise or products to customers.
- The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the merchandise, products sold.
- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer has right to return merchandise, products purchased under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer retains no right to return merchandise, products (except for the case that the customer has the right to return the merchandise or products in exchange for other merchandise or services).
- It is probable that the economic benefits associated with sale transactions will flow to the Company.
- The cost incurred or to be incurred in respect of the sale transaction can be measured reliably.

Interest

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

12. Revenue deductions

Revenue deductions only include sales returns incurred in the same period of providing products, which are recorded as a deduction of revenue in such period.

02-
H
DU HAI
U VAIN
H

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

In case of products provided in the previous year but sales returns incurred in the current year, revenue deductions shall be recorded as follows:

- If sales returns incur prior to the release of the Financial Statements, such revenue deductions are recognized in the Financial Statements of the current year.
- If sales returns incur after the release of the Financial Statements, such revenue deductions are recognized in the Financial Statements of the following year.

13. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Company directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

14. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the Company's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

15. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

16. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

17. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Company's Financial Statements.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE BALANCE SHEET****1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	204,984,270	24,355,408
Demand deposits in banks	3,614,951,582	465,029,442
Total	<u>3,819,935,852</u>	<u>489,384,850</u>

2. Short-term trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Vicem Hoang Mai Cement JSC.	26,878,515,012	29,622,361,143
Vicem But Son Cement JSC.	44,356,017,651	45,907,793,385
Kaito Vietnam Concrete Co., Ltd.	29,436,270,318	-
Xuan Thanh Trading Investment Co., Ltd.	21,367,010,765	21,810,321,036
Thanh Thang Group Investment JSC.	21,678,122,880	23,969,508,660
Other customers	78,868,993,013	104,688,838,383
Total	<u>222,584,929,639</u>	<u>225,998,822,607</u>

3. Allowance for short-term doubtful debts

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Value</u>	<u>Allowance</u>	<u>Value</u>	<u>Allowance</u>
Polyester Fabric SDN BHD	225,574,001	(112,787,000)	-	-
Thua Thien Hue Agricultural Material JSC.	1,087,767,911	(513,780,388)	1,137,767,916	(341,330,375)
Total	<u>1,313,341,912</u>	<u>(626,567,388)</u>	<u>1,137,767,916</u>	<u>(341,330,375)</u>

Fluctuations in allowance for short-term doubtful debts are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	341,330,375	118,314,519
Additional allowance	587,230,443	341,330,375
Reversal of allowance	(301,993,430)	(118,314,519)
Ending balance	<u>626,567,388</u>	<u>341,330,375</u>

4. Inventories

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Original cost</u>	<u>Allowance</u>	<u>Original cost</u>	<u>Allowance</u>
Goods in transit	215,684,025	-	-	-
Materials and supplies	36,049,726,087	-	36,816,243,326	-
Tools	3,801,981,211	-	3,664,413,575	-
Work in progress	39,295,829,561	-	25,940,280,013	-
Finished goods	6,414,089,942	-	12,243,624,983	-
Goods on consignment	-	-	1,118,928,531	-
Total	<u>85,777,310,826</u>	<u>-</u>	<u>79,783,490,428</u>	<u>-</u>

All inventories at the end of the year have been pledged as collaterals for the Company's loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank") (Note V.11a).

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**5. Prepaid expenses****5a. Short-term prepaid expenses**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for tools	676,575,616	787,046,605
Insurance premiums	217,528,117	208,414,876
Expenses for repairs	236,341,238	233,430,304
Other expenses	16,041,660	23,472,224
Total	<u>1,146,486,631</u>	<u>1,252,364,009</u>

5b. Long-term prepaid expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Expenses for tools	711,031,226	1,001,808,775
Expenses for repairs	462,529,432	392,294,059
Land rental (*)	2,263,374,560	2,373,336,077
Other expenses	-	15,583,333
Total	<u>3,436,935,218</u>	<u>3,783,022,244</u>

(*) This is the land rental for the Factory No. 2 at Gia Lach Industrial Park, Gia Lach Town, Nghi Xuan District, Ha Tinh Province from 1 April 2011 to 1 August 2045, which is offset against the expenses for site clearance paid by the Company.

6. Tangible fixed assets

	<u>Buildings and structures</u>	<u>Machinery and equipment</u>	<u>Vehicles</u>	<u>Office equipment</u>	<u>Other fixed assets</u>	<u>Total</u>
Historical costs						
Beginning balance	58,216,890,945	221,055,669,752	14,588,851,766	1,029,332,143	50,290,000	294,941,034,606
New acquisition	475,149,074	9,484,448,617	625,320,000	-	-	10,584,917,691
Disposal and liquidation	(112,149,000)	(159,082,500)	(6,086,363,636)	-	-	(6,357,595,136)
Ending balance	<u>58,579,891,019</u>	<u>230,381,035,869</u>	<u>9,127,808,130</u>	<u>1,029,332,143</u>	<u>50,290,000</u>	<u>299,168,357,161</u>
<i>In which:</i>						
Assets fully depreciated but still in use	29,893,640,704	104,234,302,988	7,665,104,909	1,029,332,143	50,290,000	142,872,670,744
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-
Depreciation						
Beginning balance	46,078,339,061	159,531,449,108	13,738,604,395	1,029,332,143	50,290,000	220,428,014,707
Depreciation during the year	2,426,219,923	12,863,257,500	372,498,820	-	-	15,661,976,243
Disposal and liquidation	(112,148,999)	(159,082,499)	(6,086,363,635)	-	-	(6,357,595,133)
Ending balance	<u>48,392,409,985</u>	<u>172,235,624,109</u>	<u>8,024,739,580</u>	<u>1,029,332,143</u>	<u>50,290,000</u>	<u>229,732,395,817</u>
Net book value						
Beginning balance	12,138,551,884	61,524,220,644	850,247,371	-	-	74,513,019,899
Ending balance	<u>10,187,481,034</u>	<u>58,145,411,760</u>	<u>1,103,068,550</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>69,435,961,344</u>
<i>In which:</i>						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

Some tangible fixed assets with the net book value of VND 50,966,106,758 have been pledged as collaterals for the Company's bank loans.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

7. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	<i>1,928,704,068</i>	<i>902,192,364</i>
Song Da - Truong Son JSC.	-	109,350,000
An Vinh Packaging JSC.	1,928,704,068	792,842,364
<i>Payables to other suppliers</i>	<i>91,055,859,276</i>	<i>91,737,068,101</i>
Dong A Bac Ninh Co., Ltd.	28,847,069,460	18,854,971,668
Da Nang Chemical and Plastic JSC.	11,364,850,000	-
Stavian Chemical JSC.	7,539,000,000	15,142,900,000
Marubeni Vietnam Co., Ltd.	5,961,600,000	15,741,000,000
Minh Hoang Co., Ltd.	13,500,670,306	9,265,176,087
Other suppliers	23,842,669,510	32,733,020,346
Total	<u>92,984,563,344</u>	<u>92,639,260,465</u>

8. Taxes and other obligations to the State Budget

	Beginning balance		Incurred in the year		Ending balance	
	Payable	Receivable	Amount payable	Amount already paid	Payable	Receivable
VAT on local sales	-	-	3,795,999	(3,795,999)	-	-
VAT on imports	-	-	6,378,720,358	(6,378,720,358)	-	-
Import duty	-	-	88,472,425	(88,472,425)	-	-
Corporate income tax ("CIT")	2,340,022,572	-	7,256,019,955	(6,247,532,984)	3,348,509,543	-
Personal income tax ("PIT") ^(*)	432,837,787	-	(885,963,395)	(119,417,280)	-	572,542,888
Property tax	-	12,738,060	14,541,199	(14,541,199)	-	12,738,060
Land rental	-	10,000,000	353,619,161	(353,619,161)	-	10,000,000
Other taxes	-	-	77,697,400	(77,697,400)	-	-
Total	<u>2,772,860,359</u>	<u>22,738,060</u>	<u>13,286,903,102</u>	<u>(13,283,796,806)</u>	<u>3,348,509,543</u>	<u>595,280,948</u>

^(*) During the year, the Company adjusted PIT based on the PIT finalization for the years 2021, 2022 and 2023; with the total tax amount reduced of VND 1,412,907,272 (the reduced amounts in 2021, 2022, 2023 were VND 657,469,156; VND 740,704,018 and VND 14,734,098, respectively).

Value added tax ("VAT")

The Company has to pay VAT in accordance with the deduction method. VAT rates applied to exports and local sales are 0% and 10%, respectively.

Corporate income tax ("CIT")

The Company has to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

Estimated CIT payable during the year is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Total accounting profit before tax	35,163,794,159	35,412,770,711
Increases/ (decreases) of accounting profit to determine income subject to tax:		
- <i>Increases</i>	627,053,554	517,082,368
- <i>Decreases</i>	<u>(10,817,241)</u>	<u>(182,781,739)</u>
Taxable income	35,780,030,473	35,747,071,340
CIT rate	20%	20%
<i>CIT payable at common tax rate</i>	7,156,006,095	7,149,414,268
<i>Adjustments of CIT of the previous years</i>	<u>100,013,860</u>	<u>193,916,600</u>
CIT to be paid	<u>7,256,019,955</u>	<u>7,343,330,868</u>

The determination of the Company's CIT liability is based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Land rental

Land rental is paid according to the notices of the tax department. Including:

- Land rental for the Factory No. 1 at Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province with an area of 11,794.5m² is VND 505,170,230 per year. In addition, in 2024, the Company's land rental of 2023 was reduced under the Decision No. 849/QD-CT dated 6 February 2024, amounting to VND 151,551,069.
- Land rental for the Factory No. 2 at Gia Lach Industrial Park, Gia Lach Town, Nghi Xuan District, Ha Tinh Province is VND 109,961,517 per year, which is offset against the expenses for site clearance paid by the Company.

Other taxes

The Company declares and pays these taxes in line with the prevailing regulations.

9. Short-term accrued expenses

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Accrued loan interest expenses	75,434,643	87,097,169
Other short-term accrued expenses	1,051,404,487	279,027,058
Total	<u>1,126,839,130</u>	<u>366,124,227</u>

10. Other short-term payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Payables to related parties</i>	94,342,709	70,615,800
Allowance for BOD, BOS	94,342,709	70,615,800
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	1,138,699,398	959,037,248
Trade Union's expenditure	1,128,216,875	930,353,879
Other short-term payables	10,482,523	28,683,369
Total	<u>1,233,042,107</u>	<u>1,029,653,048</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**11. Borrowings****11a. Short-term borrowings**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
<i>Short-term loans from banks</i>	<i>94,162,588,348</i>	<i>93,796,884,573</i>
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (“Vietcombank”) – Nghe An Branch ⁽ⁱ⁾	76,415,614,085	35,676,790,227
Military Commercial Joint Stock Bank (“MBBank”) – Nghe An Branch	-	34,747,046,231
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (“Vietinbank”) – Vinh City Branch ⁽ⁱⁱ⁾	17,746,974,263	23,373,048,115
<i>Short-term loans from individuals ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>9,962,000,000</i>	<i>9,192,000,000</i>
<i>Current portions of long-term loans (Note V.11b)</i>	<i>1,043,637,905</i>	<i>1,391,400,000</i>
Vietcombank – Nghe An Branch	886,800,000	1,182,400,000
Vietinbank – Vinh City Branch	156,837,905	209,000,000
Total	<u>105,168,226,253</u>	<u>104,380,284,573</u>

The Company has solvency to repay short-term borrowings.

- (i) This is the loan from Vietcombank – Nghe An Branch to supplement working capital with the credit limit of no more than VND 140 billion and USD 4,000,000; the interest rate as specified in each bill of debt, the term for each disbursement of no more than 4 months. The loan is secured by assets attached to land, the Company’s machinery and equipment and all circulating inventories during the production process.
- (ii) This is the loan from Vietinbank – Vinh City Branch to supplement working capital for business and production activities with the credit limit of no more than VND 65 billion; the interest rate as specified in each bill of debt, the term for each disbursement of no more than 5 months. The loan is secured by a number of land use rights and assets attached to land, and the Company’s machinery and equipment.
- (iii) These are unsecured loans from individuals to serve business and production activities, with the interest rate of 6% per year and the term of under 12 months.

Details of increases/ (decreases) in short-term borrowings during the year are as follows:

	<u>Short-term loans from banks</u>	<u>Short-term loans from individuals</u>	<u>Current portions of long-term loans</u>	<u>Total</u>
Beginning balance	93,796,884,573	9,192,000,000	1,391,400,000	104,380,284,573
Amount of loans incurred during the year	755,464,975,209	3,820,000,000	-	759,284,975,209
Transfer from long-term borrowings	-	-	1,043,637,905	1,043,637,905
Foreign exchange differences due to revaluation of ending balance of loans in foreign currencies	34,246,773	-	-	34,246,773
Amount of loans repaid during the year	<u>(755,133,518,207)</u>	<u>(3,050,000,000)</u>	<u>(1,391,400,000)</u>	<u>(759,574,918,207)</u>
Ending balance	<u>94,162,588,348</u>	<u>9,962,000,000</u>	<u>1,043,637,905</u>	<u>105,168,226,253</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**11b. Long-term borrowings**

These are the loans from Vietcombank – Nghe An Branch and Vietinbank – Vinh City Branch to invest in fixed assets, with the floating interest rate and the term of 60 months starting from the first disbursement date. The loans are secured by assets financed by the loan.

Repayment schedule of long-term borrowings is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
From or under 1 year	1,043,637,905	1,391,400,000
Over 1 year to 5 years	-	1,043,637,905
Total	<u>1,043,637,905</u>	<u>2,435,037,905</u>

Details of increases/ (decreases) in long-term borrowings are as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Beginning balance	1,043,637,905	4,035,539,468
Amount of loans repaid	-	(1,600,501,563)
Transfer to current portions of long-term loans	(1,043,637,905)	(1,391,400,000)
Ending balance	<u>-</u>	<u>1,043,637,905</u>

12. Bonus and welfare funds

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increase due to appropriation from profit (*)</u>	<u>Disbursement</u>	<u>Ending balance</u>
Bonus fund	1,889,546,485	1,392,755,159	(2,164,646,485)	1,117,655,159
Welfare fund	201,467,872	4,210,415,976	(2,700,603,515)	1,711,280,333
Executive Officers' bonus fund	-	220,508,755	(220,508,755)	-
Total	<u>2,091,014,357</u>	<u>5,823,679,890</u>	<u>(5,085,758,755)</u>	<u>2,828,935,492</u>

(*) Details are as follows:

	<u>Bonus fund</u>	<u>Welfare fund</u>	<u>Executive Officers' bonus fund</u>
Amount appropriated from profit of 2023 under Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders	1,717,755,159	4,210,415,976	220,508,755
Deducting amount temporarily appropriated in 2023	(325,000,000)	(1,000,000,000)	-
Amount temporarily appropriated from profit of 2024	-	1,000,000,000	-
Total	<u>1,392,755,159</u>	<u>4,210,415,976</u>	<u>220,508,755</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**13. Owner's equity****13a. Statement of changes in owner's equity**

	Owner's contribution capital	Share premiums	Treasury shares	Investment and development fund	Retained earnings	Total
Beginning balance of the previous year	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	46,475,296,752	27,261,706,297	150,186,597,594
Profit of the previous year	-	-	-	-	28,069,439,843	28,069,439,843
Appropriation for investment and development fund	-	-	-	8,137,018,788	(8,137,018,788)	-
Appropriation for bonus and welfare funds	-	-	-	-	(6,777,341,259)	(6,777,341,259)
Dividends declared	-	-	-	-	(13,499,928,000)	(13,499,928,000)
Appropriation for Executive Officers' bonus fund	-	-	-	-	(172,418,250)	(172,418,250)
Ending balance of the previous year	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	54,612,315,540	26,744,439,843	157,806,349,928
Beginning balance of the current year	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	54,612,315,540	26,744,439,843	157,806,349,928
Profit of the current year	-	-	-	-	27,907,774,204	27,907,774,204
Appropriation for investment and development fund	-	-	-	8,420,831,953	(8,420,831,953)	-
Appropriation for bonus and welfare funds	-	-	-	-	(5,603,171,135)	(5,603,171,135)
Dividends declared	-	-	-	-	(13,499,928,000)	(13,499,928,000)
Appropriation for Executive Officers' bonus fund	-	-	-	-	(220,508,755)	(220,508,755)
Ending balance of the current year	74,999,720,000	1,449,994,545	(120,000)	63,033,147,493	26,907,774,204	166,390,516,242

13b. Details of owners' contribution capital

	Ending balance	Beginning balance
Economic Cooperation Corporation	38,219,320,000	38,219,320,000
An Phat Bioplastics JSC.	26,133,190,000	26,133,190,000
Other shareholders	10,647,090,000	10,647,090,000
Total	74,999,600,000	74,999,600,000

13c. Shares

	Ending balance	Beginning balance
Number of shares registered to be issued	7,499,972	7,499,972
Number of shares already issued	7,499,972	7,499,972
- Ordinary shares	7,499,972	7,499,972
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	(12)	(12)
- Ordinary shares	(12)	(12)
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	7,499,960	7,499,960
- Ordinary shares	7,499,960	7,499,960
- Preferred shares	-	-

Face value per outstanding share: VND 10,000.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**13d. Profit distribution**

During the period, the Company distributed profit in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 351/NQ-DHDCD dated 26 April 2024 as follows:

	VND
• Dividends declared to shareholders (18% of charter capital)	: 13,499,928,000
• Appropriation for investment and development fund	: 8,420,831,953
• Appropriation for bonus fund	: 1,717,755,159
• Appropriation for welfare fund	: 4,210,415,976
• Appropriation for Executive Officers' bonus fund	: 220,508,755

During the year, the Company temporarily appropriated welfare fund of 2024 with the amount of VND 1,000,000,000 in accordance with the Board of Directors' Resolution No. 451/NQ-HDQT dated 19 August 2024.

14. Off-Balance Sheet items**14a. Foreign currencies**

As of the balance sheet date, cash included USD 7,298.05 (beginning balance: USD 1,784.23).

14b. Resolved doubtful debts

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Truong Yen Co., Ltd.	258,997,370	258,997,370
Binh Dinh Constrexim JSC.	232,470,000	232,470,000
Total	<u>491,467,370</u>	<u>491,467,370</u>

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from sales of merchandise	6,541,002,429	13,401,239,836
Revenue from sales of finished goods	815,530,217,047	860,519,825,215
Other revenue	-	887,526,000
Total	<u>822,071,219,476</u>	<u>874,808,591,051</u>

2. Revenue deductions

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Sales returns	26,056,120	265,078,050
Sales allowances	42,089,210	-
Total	<u>68,145,330</u>	<u>265,078,050</u>

3. Costs of sales

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Costs of merchandise sold	5,939,237,602	11,759,466,257
Costs of finished goods sold	740,730,860,778	776,328,389,886
Total	<u>746,670,098,380</u>	<u>788,087,856,143</u>

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

4. Financial income	Current year	Previous year
Interests from deposits for opening L/C		42,275,000
Interests from demand deposits	3,323,391	4,727,820
Exchange gain arising from transactions in foreign currencies	3,046,513,154	2,806,100,145
Exchange gain due to revaluation of monetary items in foreign currencies	1,130,662	-
Total	3,050,967,207	2,853,102,965
5. Financial expenses	Current year	Previous year
Interest expenses	4,910,029,536	10,712,391,230
Exchange loss arising from transactions in foreign currencies	691,778,153	1,506,214,091
Exchange loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	-	11,324,239
Other expenses	26,752,018	42,391,245
Total	5,628,559,707	12,272,320,805
6. Selling expenses	Current year	Previous year
Labor costs	1,435,204,842	1,254,141,975
Materials, packaging	2,958,911,879	3,318,983,239
Depreciation/amortization of fixed assets	281,837,184	193,095,972
Expenses for transportation	10,918,269,222	13,708,767,649
Expenses for external services	2,623,822,930	2,487,351,976
Other expenses	1,327,462,895	1,530,175,786
Total	19,545,508,952	22,492,516,597
7. General and administration expenses	Current year	Previous year
Labor costs	10,203,740,367	9,322,261,023
Materials, supplies	694,227,653	640,595,820
Office supplies	216,880,304	323,921,694
Depreciation/amortization of fixed assets	14,600,004	74,541,706
Taxes, fees and legal fees	581,601,332	27,899,454
Allowance for doubtful debts	285,237,013	223,015,856
Expenses for external services	698,103,199	1,191,054,805
Other expenses	5,359,856,411	7,185,960,811
Total	18,054,246,283	18,989,251,169
8. Other income	Current year	Previous year
Gain on disposals of fixed assets	606,000,000	-
Gain on selling scraps	225,232,088	163,402,298
Other income	70,027,258	6,805,932
Total	901,259,346	170,208,230

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**9. Other expenses**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Fines for damaged packaging	634,847,016	123,741,455
Tax fines and tax collected in arrears	159,817,846	180,286,303
Other expenses	98,428,356	8,081,013
Total	<u>893,093,218</u>	<u>312,108,771</u>

10. Earnings per share (“EPS”)**10a. Basic/diluted EPS**

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Accounting profit after corporate income tax	27,907,774,204	28,069,439,843
Appropriation for bonus and welfare funds and Executive Officers’ bonus fund (*)	<u>(6,294,395,814)</u>	<u>(6,148,679,890)</u>
Profit used to calculate basic/diluted EPS	21,613,378,390	21,920,759,953
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the period	<u>7,499,960</u>	<u>7,499,960</u>
Basic/diluted EPS	<u>2,882</u>	<u>2,923</u>

(*) Bonus and welfare funds and Executive Officers’ bonus fund are temporarily calculated based on the appropriation rates of 2023 in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders No. 351/NQ-DHDCD dated 26 April 2024.

10b. Other information

The basic/diluted EPS of the previous year was recalculated due to the deduction of the appropriation for bonus and welfare funds and Executive Officers’ bonus fund based on the appropriation rates in accordance with the Resolution of 2024 Annual General Meeting of Shareholders. This recalculation made the basic/diluted EPS of the previous year decrease from VND 2,970 to VND 2,923.

11. Operating costs by factors

	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Materials and supplies	572,288,448,004	579,292,150,852
Labor costs	135,473,493,156	139,058,542,081
Depreciation/amortization of fixed assets	15,661,976,246	16,590,630,745
Expenses for external services	52,078,831,576	48,671,764,748
Other expenses	9,767,214,655	9,290,973,601
Total	<u>785,269,963,637</u>	<u>792,904,062,027</u>

VII. OTHER DISCLOSURES**1. Transactions and balances with the related parties**

The related parties of the Company include the key managers, their related individuals and other related parties.

The key managers include the members of the Board of Directors (“BOD”), the Board of Supervisors (“BOS”), the Board of Management (“BOM”) and the Chief Accountant. The key managers’ related individuals are their close family members.

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)*Transactions with the key managers and their related individuals*

The Company has no sales of merchandise and rendering of services as well as other transactions with the key managers and their related individuals.

Balances with the key managers and their related individuals

Balance with the key managers and their related individuals only includes allowance payable to BOD and BOS, amounting to VND 94,342,709 (beginning balance: VND 70,615,800).

Compensation of the key managers

	Position	Salary	Allowance	Total compensation
Current year				
BOD and BOM				
Mr. Nguyen Huu Son	Chairman	493,138,830	-	493,138,830
Mr. Le Xuan Tho	BOD Member cum Director	445,889,348	60,877,440	506,766,788
Mr. Truong Dac Thanh	BOD Member cum Deputy Director	389,105,273	60,877,440	449,982,713
Mr. Phan Van Toan	Chief Accountant	348,451,119	-	348,451,119
Mr. Nguyen Trung Kien	BOD Member	24,372,020	60,877,440	85,249,460
Ms. Pham Nguyet Minh	BOD Member	24,372,020	60,877,440	85,249,460
BOS				
Mr. Tran Ngoc Sam	Head of BOS	346,710,260	-	346,710,260
Ms. Dong Thi Ha	Member	-	48,350,736	48,350,736
Ms. Nguyen Thi Minh Trang	Member	-	48,350,736	48,350,736
Total		2,072,038,870	340,211,232	2,412,250,102
Previous year				
BOD and BOM				
Mr. Nguyen Huu Son	Chairman (from 18 April 2023) cum Deputy Director (to 18 April 2023)	417,608,745	-	417,608,745
Mr. Ngo Quang Viet	Chairman (to 18 April 2023)	28,303,954	24,960,000	53,263,954
Mr. Le Xuan Tho	BOD Member cum Director	406,949,548	56,160,000	463,109,548
Mr. Truong Dac Thanh	BOD Member (from 18 April 2023) cum Deputy Director	332,449,727	37,440,000	388,609,727
Mr. Phan Van Toan	BOD Member (to 18 April 2023) cum Chief Accountant	316,462,360	18,720,000	316,462,360
Mr. Nguyen Trung Kien	BOD Member	19,812,767	56,160,000	75,972,767
Ms. Pham Nguyet Minh	BOD Member	19,812,767	56,160,000	75,972,767
BOS				
Mr. Tran Ngoc Sam	Head of BOS	319,078,921	-	319,078,921
Ms. Dong Thi Ha	Member (from 18 April 2023)	-	29,736,000	29,736,000
Mr. Pham Do Huy Cuong	Member (to 18 April 2023)	-	14,868,000	14,868,000
Ms. Nguyen Thi Minh Trang	Member	-	44,604,000	44,604,000
Total		1,860,478,789	338,808,000	2,199,286,789

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)**1a. Transactions and balances with other related parties**

Other related parties of the Company include:

Name	Relationship
Economic Cooperation Corporation	Parent Company
Song Da Truong Son JSC.	Entity with the same Parent Company
An Phat Bioplastics JSC.	Large shareholder
An Tien Industry JSC.	Subsidiary of large shareholder
An Thanh Bicsol JSC.	Subsidiary of large shareholder
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd.	Subsidiary of large shareholder
An Vinh Packaging JSC.	Subsidiary of large shareholder

Transactions with other related parties

Apart from the transactions with the related parties as presented in Note VI.1b, the Company also has other transactions with other related parties as follows:

	Current year	Previous year
Economic Cooperation Corporation		
Liquidation of fixed assets	600,000,000	-
Song Da Truong Son JSC.		
Purchase of merchandise	319,252,725	247,182,224
An Thanh Bicsol JSC.		
Purchase of merchandise	-	2,174,150,000
An Vinh Packaging JSC.		
Purchase of materials and supplies	8,062,706,650	4,299,563,653

Receivables from and payables to other related parties

Payables to other related parties are presented in Note V.7.

2. Segment information

The Company's segment information is presented according to business segments and geographical segments. The primary reporting format is the geographical segments based on the internal organizational and management structure as well as the system of internal Financial Statements of the Company.

2a. Information on geographical segments

The Company's operations are mainly conducted in the domestic and foreign locations.

Information on business results, fixed assets, other non-current assets and value of significant non-cash expenses of the geographical segments based on customers' locations of the Company is as follows:

	Domestic segment	Foreign segment	Total
Current year			
Net external revenue	603,519,701,790	218,483,372,356	822,003,074,146
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	603,519,701,790	218,483,372,356	822,003,074,146
Segment operating profit	42,045,095,817	13,742,370,997	55,787,466,814
Expenses not attributable to segments			(18,054,246,283)
Operating profit			37,733,220,531
Financial income			3,050,967,207
Financial expenses			(5,628,559,707)

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

	<u>Domestic segment</u>	<u>Foreign segment</u>	<u>Total</u>
Other income			901,259,346
Other expenses			(893,093,218)
Current income tax			(7,256,019,955)
Deferred income tax			-
Profit after tax			<u>27,907,774,204</u>
Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4,952,204,238</u>
Total depreciation/amortization and allocation of long-term prepaid expenses	<u>12,285,430,878</u>	<u>4,447,514,077</u>	<u>16,732,944,955</u>
Total remarkable non-cash expenses (except depreciation/ amortization and allocation of long-term prepaid expenses)	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Previous year			
Net external revenue	675,619,056,987	198,924,456,014	874,543,513,001
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	<u>675,619,056,987</u>	<u>198,924,456,014</u>	<u>874,543,513,001</u>
Segment operating profit	50,430,411,790	13,532,728,471	63,963,140,261
Expenses not attributable to segments			(18,989,251,169)
Operating profit			44,973,889,092
Financial income			2,853,102,965
Financial expenses			(12,272,320,805)
Other income			170,208,230
Other expenses			(312,108,771)
Current income tax			(7,343,330,868)
Deferred income tax			-
Profit after tax			<u>28,069,439,843</u>
Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>7,718,869,339</u>
Total depreciation/amortization and allocation of long-term prepaid expenses	<u>13,636,351,735</u>	<u>4,014,990,138</u>	<u>17,651,341,873</u>
Total remarkable non-cash expenses (except depreciation/ amortization and allocation of long-term prepaid expenses)	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

2.4481
 CHI NH
 CÔNG
 CH NHIỆN
 M TOÁN V
 A &
 TẠI HÀ
 ĐA -

VINH PLASTIC AND BAGS JOINT STOCK COMPANY

Address: Block 8, Ben Thuy Ward, Vinh City, Nghe An Province, Vietnam

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

The Company's assets and liabilities by geographical segments based on customers' locations are as follows:

	<u>Domestic segment</u>	<u>Foreign segment</u>	<u>Total</u>
Ending balance			
Segment assets	<u>199,751,766,504</u>	<u>22,987,951,233</u>	222,739,717,737
Allocated assets	<u>-</u>	<u>-</u>	-
Unallocated assets			177,357,110,695
Total assets			<u>400,096,828,432</u>
Segment liabilities	<u>93,020,797,344</u>	<u>277,970,828</u>	93,298,768,172
Allocated liabilities	<u>-</u>	<u>-</u>	-
Unallocated liabilities			140,407,544,018
Total liabilities			<u>233,706,312,190</u>
Beginning balance			
Segment assets	<u>209,383,269,126</u>	<u>17,010,769,159</u>	226,394,038,285
Allocated assets	<u>-</u>	<u>-</u>	-
Unallocated assets			161,771,212,657
Total assets			<u>388,165,250,942</u>
Segment liabilities	<u>92,653,798,225</u>	<u>1,955,248,971</u>	94,609,047,196
Allocated liabilities	<u>-</u>	<u>-</u>	-
Unallocated liabilities			135,749,853,818
Total liabilities			<u>230,358,901,014</u>

2b. Information on business segments

The Company only operates in a single business segment of packaging and materials for packaging production.

3. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Financial Statements.

Prepared on 19 February 2025

Prepared by


Tran Thi Que Lam

Chief Accountant


Phan Van Toan

Director

**Le Xuan Tho**